TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1212/2024/HS-PT
Ngày 24 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Hà Huy Cầu

ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 884/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thành T; Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1230/2024/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Thành T, sinh năm 1987 tại Nam Định; Giấy chứng minh nhân dân số: 271989901, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 11-6-2020; nơi đăng ký thường trú: Số H, Khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trung T1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 28-11-2022 theo Lệnh truy nã số: 10/QĐTN của Cơ quan Cảnh sát điều tra, chuyển tạm giam từ ngày 01-12-2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Đ (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thành T: Luật sư Huỳnh Anh T2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7-2020, Vũ Thành T thông qua sự giới thiệu của một người tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có liên hệ anh Đặng Văn Q để thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61A – 542.58 để tự lái trong thời gian 10 ngày. Khoảng 13 giờ ngày 15-7-2020, cả 03 người hẹn gặp nhau tại quán cà phê "Highlands" thuộc khuôn viên siêu thị B1 (Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Tại đây, T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nói trên và anh Q giữ lại của T 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng C (tất cả mang tên Vũ Thành T); anh Q giao xe ô tô 61A – 542.58 kèm theo giấy đăng kiểm và giấy chứng nhận đăng kí xe (bản photo). 10 ngày sau, Trung chuyển khoản cho anh Q số tiền 15.000.000 đồng tiền thuê xe. Từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2020, T tiếp tục thuê chiếc xe trên thêm 02 tháng với số tiền 25.000.000 đồng/tháng, những lần thuê xe này hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận qua điện thoại.

Trong thời gian này, T nảy sinh ý định đem xe của anh Q đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q với tổng cộng chi phí là 1.500.000 đồng. T tiếp tục chuyển khoản cho anh Q số tiền 15.000.000 đồng để trì hoãn việc trả xe. Đến đầu tháng 8-2020, T thuê B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000 đồng đi cùng T đến gặp ông Nguyễn Quang C để cầm cố chiếc xe Innova 61A-542.58. Trước khi đến nhà ông C, T có căn dặn Biển rằng phải tự xưng là anh Q và là chủ của chiếc xe Innova 61A-542.58. Khi đến nhà ông C, T giới thiệu Biển chính là anh Q và là chủ nhân chiếc xe Innova 61A-542.58 muốn cầm cố chiếc xe để lấy số tiền 250.000.000 đồng. T đưa cho ông C xem giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q mà T đã làm giả trước đó để ông C tin và giao tiền cho Q và T. Do trước đó T có nợ ông C 100.000.000 đồng nên ông C chỉ đưa cho B và T số tiền 150.000.000 đồng, T còn viết 01 giấy mượn tiền có chữ ký và điểm chỉ của T và B. T đã sử dụng hết số tiền ông C đưa vào việc tiêu xài cá nhân. Trong thời gian này, T tiếp tục hẹn gặp và đưa cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng để trì hoãn việc trả xe. Đến cuối tháng 9-2020, anh Q gọi điện thoại yêu cầu T trả xe thì T hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả, anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho T nhưng không được. Sau đó, T cắt liên lạc với anh Q rồi bỏ trốn. Đến ngày 28-11-2022, T bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thành T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận giám định số: 718/KLGĐ-PC09 ngày 05-5-2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Điểm chỉ vân tay mang tên Đặng Văn Q tại phần mục Người mượn trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với các điểm chỉ vân tay trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người in ra;

- Chữ ký và chữ viết mang tên Đặng Văn Q trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết mang tên Đặng Văn Q trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) không phải do cùng một người ký và viết ra.

Kết luận giám định số 1129/KLGĐ-PC09 ngày 21/6/2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG, CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG, CH XHCN VIỆT NAM trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký mang tên Thượng tá: Nguyễn Thành C1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên: Thượng tá Nguyễn Thành C1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

Kết luận giám định số: 2261/KLGĐ-PC09 ngày 17/12/2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận: 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thành T là thật.

Kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố B kết luận: Chiếc xe ô tô biển số: 61A-542.58 có giá: 525.000.000.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đặng Văn Q đã nhận lại xe ô tô Innova 61A-542.58 nên không yêu cầu bồi thường.

Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Quang C số tiền 250.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C xác nhận gia đình đã bồi thường và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thành T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Vũ Thành T 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp ngăn chặn; xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/8/2024, bị cáo Vũ Thành T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về hình thức đúng quy định pháp luật, về thời gian đúng thời gian quy định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Xét thấy đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Bị cáo T ký hợp đồng thuê xe của anh Đặng Văn Q, hết thời hạn thuê nhưng bị cáo không trả xe sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã mang xe ô tô đi cầm cố cho anh Nguyễn Quang C với số tiền 250.000.000 đồng. Xe ô tô bị cáo chiếm được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe ô tô biển số: 61A-542.58 có giá: 525.000.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại thông qua hợp đồng thuê xe ô tô, bị cáo nhận tài sản hợp pháp sau đó mới nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhận thấy: Đối với hành vi của bị cáo T trong việc lên mạng xã hội Facebook đặt làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn Q, thuê người tên B tự xưng là Q nhằm cầm cố chiếc xe chiếm đoạt tài sản, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức tổng hợp hình phạt của 02 tội là 15 năm tù là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không đưa ra các tình tiết giảm nhẹ mới so với những tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thành T trình bày ý kiến tranh luận:

Đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" thì căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình

phạt và trong khung hình phạt liền kề là chưa phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thì căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo không sử dụng con dấu giả để thực hiện hành vi lừa đảo nên không bị truy tố, xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau khi thực hiện xong hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì bị cáo mới tìm người làm giả các giấy tờ chỉ nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội. Đây là thủ đoạn sau khi tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đã hoàn thành nên hành vi này của bị cáo chỉ là cấu thành cơ bản của tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Xin Hội đồng xét xử trong phạm vi xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm để xử phạt bị cáo theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T.

Bị cáo Vũ Thành T trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo thống nhất với lời trình bày của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo T ký hợp đồng thuê xe của anh Đặng Văn Q, hết thời hạn thuê nhưng bị cáo không trả xe; sau đó, nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã mang xe ô tô đi cầm cố cho anh Nguyễn Quang C với số tiền 250.000.000 đồng. Xe ô tô bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định có giá trị 525.000.000 đồng; hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại thông qua hợp đồng thuê xe ô tô, bị cáo nhận tài sản hợp pháp sau đó mới nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thì: Nhận thấy đối với hành vi của bị cáo T trong việc lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và Giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q; thuê người tên B để tự xưng là anh Q nhằm cầm cố chiếc xe để chiếm đoạt tài sản; hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành

tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điều 341 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là có căn cứ.

Do vậy, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Vũ Thành T với tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cần xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi phạm tội, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Xét, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có cha, mẹ ruột tham gia quân đội được tặng nhiều huân, huy chương là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử bị cáo 03 năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ.

Tuy nhiên, đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" Hội đồng xét xử xét thấy bị hại là anh Đặng Văn Q đã nhận lại được tài sản là chiếc xe ô tô biển số: 61A-542.58 xem như hậu quả đã được khắc phục, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là có phần nghiêm khắc. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội danh này.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Thành T không phải chịu.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Vũ Thành T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Vũ Thành T 10 (mười) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2022.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Thành T để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Thành T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (2)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- TTG Công an tỉnh Đồng Nai; (2)

(để tống đạt cho bị cáo Vũ Thành Trung);
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên